TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Bẩy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Vui** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Đ** , sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: khu dân cư A, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Th** , sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Th kết hôn vào ngày 20/2/2012 trên

cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh Th yêu cầu chị đi làm công nhân lương hàng tháng về phải đưa toàn bộ tiền cho mẹ anh giữ. Chị có bàn bạc với anh Th mỗi tháng đóng góp một phần cho mẹ anh Th để chi tiêu, phần còn lại chị giữ nhưng anh Th không nghe nên dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sau đó, nhiều lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi cọ lẫn nhau, vợ chồng chung sống nhưng không có hạnh phúc. Song vì các con còn nhỏ nên chị cố chịu đựng để các con chị có đầy đủ cả bố và mẹ. Tháng 6/2022, vợ chồng xây nhà vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, anh Th đã chửi bới xúc phạm chị nên mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh Th kể từ tháng 6/2022 đến nay. Nay chị xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th để giải phóng cho đôi bên khỏi giàng buộc.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, Bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh và chị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện được đăng ký tại UBND xã Đ vào ngày 20/2/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, chị Đ còn mâu thuẫn với cả mẹ chồng, chị Đ luôn cho rằng mẹ anh khó tính nên sau khi cưới được gần 1 năm thì chị Đ bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau đó, anh và gia đình đã sang tìm đón chị Đ về để vợ chồng tiếp tục chung sống. Đến năm 2021 vợ chồng xây nhà, trong thời gian hoàn thiện do bất đồng về việc thanh toán tiền cho thợ nên anh và chị Đ lại tiếp tục xảy ra cãi cọ lẫn nhau. Chị Đ đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh có sanh tìm đón chị Đ về nhưng chị Đ không về và vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay anh xác định thực sự tình cảm vợ chồng không còn, chị Đ xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Chị Đ và anh Th cùng xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Mạnh H , sinh ngày 10/2/2013; Nguyễn Thanh Tr , sinh ngày 28/7/2015; Nguyễn Văn B , sinh ngày 21/01/2020, cả 3 con chung hiện đang ở với chị Đ.

Quan điểm của chị Đ xin được trực tiếp nuôi cả 3 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quan điểm của anh Th xin được nuôi cháu Nguyễn Mạnh H và cháu Nguyễn Thanh Tr và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Chị Đ và anh Th đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: Quan điểm VKS đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đ được ly hôn anh Th; Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Văn B , sinh ngày 21/01/2020 và Nguyễn Thanh Tr , sinh ngày 27/7/2015; giao cháu Nguyễn Mạnh H , sinh ngày 10/2/2013 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra việc giải quyết. Chị Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th hiện đang cư trú tại huyện Kim Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Đ và anh Th chung sống hạnh phúc được 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình vợ chồng mâu thuẫn, chị Đ đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ tháng 7/2022 chị Đ và anh Th đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan

tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, cả chị Đ và anh Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài. Như vậy, đã xác định được mục đích hôn nhân giữa chị Đ và anh Th không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Đ xin được ly hôn anh Nguyễn Văn Th là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi con chung của chị Đ và anh Th đều hoàn toàn chính đáng, cả anh Th và chị Đ đều có thu nhập và chỗ ở ổn định đủ điều kiện để nuôi con chung. Xét thấy, hiện cháu B chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu Tr là con gái nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu, cần giao cháu Tr và cháu B cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu H cho anh Th trực tiếp chăm sóc là phù hợp.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ và anh Th tự nguyện không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ , cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th .

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn B , sinh ngày 21/01/2020 và Nguyễn Thanh Tr , sinh ngày 28/7/2015 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc; Giao cháu Nguyễn Mạnh H , sinh ngày 10/2/2013 cho anh Th được trực tiếp

nuôi dưỡng và chăm sóc. Hai bên đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm l y hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2020/0004907 ngày 08 tháng 11 năm 2022.

5. Quyền kháng cáo: Chị Đoan, anh Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã Đ, huyện K (nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Bích